

SỞ XÂY DỰNG**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SXD-KTVLXD

Đắk Lắk, ngày tháng 5 năm 2023

V/v hướng dẫn công tác lập dự toán xác định chi phí vận chuyển đất từ nơi đào đến nơi đắp hoặc đổ đi; vận chuyển vật liệu đất mua từ mỏ để phục vụ đắp đất công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Chủ đầu tư;
- Các đơn vị hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về Định mức dự toán xây dựng.

Ngày 16/01/2023, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND về các Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Nhằm đảm bảo công tác lập dự toán xác định chi phí vận chuyển đất từ nơi đào sang nơi đắp hoặc đổ thải (từ trong công trình đổ đi) và vận chuyển vật liệu đất từ mỏ hoặc từ nhà cung cấp để phục vụ thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo các quy định của nhà nước về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Sở Xây dựng hướng dẫn một số nội dung như sau:

1. Công tác vận chuyển đất từ nơi đào sang nơi đắp hoặc đổ thải (từ trong công trình đổ đi) được quy định cụ thể như sau:

- Đơn giá vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ (mã hiệu AB.41000) được quy định tại Chương II cho công tác vận chuyển đất với các cự ly vận chuyển ($\leq 300m$, $\leq 500m$, $\leq 700m$, $\leq 1km$; vận chuyển tiếp theo trong phạm vi $\leq 5km$; vận chuyển tiếp theo ngoài phạm vi $> 5km$) tương ứng với từng loại ô tô tự đổ và cấp đất, tính cho $1m^3$ đất nguyên thổ đo tại nơi đào đã tính đến hệ số nở ròi của đất.

- Trường hợp cự ly vận chuyển đất, đá từ nơi đào đến nơi đổ $> 1000m$ thì áp dụng đơn giá vận chuyển ở cự ly $\leq 1000m$ và đơn giá vận chuyển $1000m$ tiếp theo như sau:

* Đơn giá vận chuyển với cự ly $L \leq 5Km = DG_1 + DG_2 \times (L-1)$

* Đơn giá vận chuyển với cự ly $L > 5Km = DG_1 + DG_2 \times 4 + DG_3 \times (L-5)$

Trong đó:

+ DG_1 : Đơn giá vận chuyển trong phạm vi $\leq 1000m$

+ DG_2 : Đơn giá vận chuyển $1Km$ tiếp theo cự ly $\leq 5Km$

+ DG_3 : Đơn giá vận chuyển $1Km$ ngoài phạm vi cự ly $> 5Km$

- Việc áp dụng đơn giá vận chuyển theo tải trọng của phương tiện vận chuyển phải phù hợp với dây chuyền công nghệ thi công đào, vận chuyển, khối lượng cần vận chuyển và điều kiện thi công.

- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng được cấp phép khai thác đất tại mỏ, vận chuyển về để đắp tại công trình thì đơn giá vận chuyển bằng ô tô tự đổ được tính như sau:

- Đơn giá vận chuyển với cự ly vận chuyển $> 15\text{km}$ đến $\leq 25\text{km} = \text{Đg1} + \text{Đg2} \times 4 + \text{Đg3} \times 10 + \text{Đg3} \times 0,85 \times (L-15)$.

- Đơn giá vận chuyển với cự ly vận chuyển $> 25\text{km} = \text{Đg1} + \text{Đg2} \times 4 + \text{Đg3} \times 10 + \text{Đg3} \times 0,85 \times 10 + \text{Đg3} \times 0,80 \times (L-25)$.

2. Công tác vận chuyển vật liệu đất mua từ mỏ hoặc từ nhà cung cấp để phục vụ đắp đất công trình được quy định cụ thể như sau:

- Đơn giá vận chuyển vật liệu đất mua từ mỏ để phục vụ đắp công trình bằng ô tô tự đổ (mã hiệu AM.23200) được quy định tại Chương VII cho công tác vận chuyển vật liệu đất để phục vụ đắp đất công trình.

- Đơn giá vận chuyển đất, đá bằng ô tô tự đổ tính cho 1m^3 đất, đá đo trên ô tô vận chuyển.

- Đơn giá dự toán vận chuyển được quy định tương ứng với vận chuyển trên đường loại 3. Trường hợp vận chuyển trên các loại đường khác thì đơn giá vận chuyển điều chỉnh theo hệ số quy định tại bảng sau:

Bảng hệ số quy đổi định mức vận chuyển theo loại đường

Loại đường (L)	L ₁	L ₂	L ₃	L ₄	L ₅	L ₆
Hệ số điều chỉnh (k _d)	k ₁ =0,57	k ₂ =0,68	k ₃ =1,00	k ₄ =1,35	k ₅ =1,50	k ₆ =1,8

- Công thức tính đơn giá vận chuyển như sau:

+ Vận chuyển trong phạm vi: $L \leq 1\text{km} = \text{ĐG}_1 \times \sum_{i=1}^n (l_i \times k_d)$, trong đó $\sum_{i=1}^n l_i \leq 1\text{km}$.

+ Vận chuyển phạm vi: $L \leq 10\text{km} = \text{ĐG}_1 \times \sum_{i=1}^n (l_i \times k_d) + \text{ĐG}_2 \times \sum_{j=1}^n (l_j \times k_d)$, trong đó $\sum_{i=1}^n l_i \leq 1\text{km}$; $\sum_{j=1}^n l_j \leq 9\text{km}$.

+ Vận chuyển phạm vi: $L \leq 60\text{km} = \text{ĐG}_1 \times \sum_{i=1}^n (l_i \times k_d) + \text{ĐG}_2 \times \sum_{j=1}^n (l_j \times k_d) + \text{ĐG}_3 \times \sum_{h=1}^n (l_h \times k_d)$, trong đó $\sum_{i=1}^n l_i \leq 1\text{km}$; $\sum_{j=1}^n l_j \leq 9\text{km}$; $\sum_{h=1}^n l_h \leq 50\text{km}$.

+ Vận chuyển phạm vi: $L > 60\text{km} = \text{ĐG}_1 \times \sum_{i=1}^n (l_i \times k_d) + \text{ĐG}_2 \times \sum_{j=1}^n (l_j \times k_d) + \text{ĐG}_3 \times \sum_{h=1}^n (l_h \times k_d) + \text{ĐG}_3 \times 0,95 \times \sum_{g=1}^n (l_g \times k_d)$, trong đó $\sum_{i=1}^n l_i \leq 1\text{km}$; $\sum_{j=1}^n l_j \leq 9\text{km}$; $\sum_{h=1}^n l_h \leq 50\text{km}$; $\sum_{g=1}^n l_g > 60\text{km}$.

Trong đó:

ĐG₁: Đơn giá vận chuyển trong phạm vi $\leq 1\text{km}$;

ĐG₂: Đơn giá vận chuyển 1km tiếp theo phạm vi $\leq 10\text{km}$;

ĐG₃: Đơn giá vận chuyển 1km tiếp theo phạm vi $\leq 60\text{km}$;

K_d: Hệ số điều chỉnh đơn giá theo loại đường;

l_i, l_j, l_h, l_g : Cự ly vận chuyển của từng đoạn đường theo loại đường;

i, j, h, g: Các đoạn đường trong cự ly vận chuyển.

- Ví dụ tính toán: Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ từ mỏ khai thác hoặc cung ứng đến công trình với cự ly là 19km; trong đó: 0,3km đầu là đường loại 5; 5km tiếp theo là đường loại 3; 2km tiếp theo là đường loại 4; 7km tiếp theo là đường loại 2; 3km tiếp theo là đường loại 1; 1,7km tiếp theo là đường loại 3. Chi phí ô tô tự đổ vận chuyển với cự ly 19km = $\text{ĐG1} \times (0,3 \times k_5 + 0,7 \times k_3) + \text{ĐG2} \times (4,3 \times k_3 + 2 \times k_4 + 2,7 \times k_2) + \text{ĐG3} \times (4,3 \times k_2 + 3 \times k_1 + 1,7 \times k_3)$.

3. Phân biệt định mức vận chuyển mã AB và mã AM

	Mã AB...	Mã AM...
Đơn vị	100m ³ đất nguyên thổ (đã bao gồm hệ số nở rời)	10m ³ đất đổ trên xe (chưa bao gồm hệ số nở rời)
Xác định	- Xác định theo dây chuyền tổ hợp máy đào và xe ô tô tự đổ - Tính thời gian chờ của ô tô - Định mức tính bình quân cho mọi cấp đường	- Chỉ tính vận chuyển 1 chiều từ nơi mua đến chân công trình - Không tính thời gian chờ quay đầu, chờ xúc. - Định mức tính cho 6 loại đường tương ứng hệ số (theo bảng hệ số nêu trên)
Trường hợp áp dụng	- Vận chuyển đất từ nơi đào sang nơi đắp hoặc đổ thải (từ trong công trình đổ đi) - Trường hợp dự án đầu tư xây dựng được cấp phép khai thác đất tại mỏ, vận chuyển về để đắp tại công trình.	Vận chuyển vật liệu đất mua từ mỏ hoặc từ nhà cung cấp để phục vụ đắp đất công trình

4. Các khoản thuế, phí và lệ phí:

- Phí bảo vệ môi trường (*xác định theo Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản kim loại và không kim loại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*)

- Thuế tài nguyên khai thác đất đắp công trình (*xác định theo Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*).

+ Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (*được xác định theo Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk và Tiêu chuẩn Quốc gia số TCVN 4447:2012 do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tại Phụ lục C- Bảng C1- hệ số chuyển thể tích từ đất tự nhiên sang đất tơi*).

Sở Xây dựng hướng dẫn để các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; các chủ đầu tư; các doanh nghiệp hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và tổ chức thực hiện theo quy định.

Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn căn cứ điều kiện cụ thể của công trình và các quy định của nhà nước để tổ chức lập, điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo quy định.

Công văn này thay thế Công văn số 2609/SXD-KTVLXD ngày 16/9/2022 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn lập dự toán xác định giá vật liệu đất để phục vụ thi công xây dựng công trình trong công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị quý cơ quan phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc, các PGĐ Sở XD;
- Website của Sở;
- Lưu: VT, KTVLXD (TQ10)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Hồng Vinh